

#SoKyHieuVanBan

#DiaDiemNgayBanHanh

V/v Xây dựng kế hoạch phát triển giáo
dục năm học 2022-2023

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường Mầm non, TH, THCS, TH&THCS trực
thuộc.

Thực hiện việc xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục (KHPTGD) các cấp
học hằng năm theo Chương trình công tác năm 2022 của UBND huyện Thăng
Bình và Chương trình công tác năm 2022 của Phòng GDĐT;

Để các đơn vị có cơ sở xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục năm học
2022-2023 và các năm tiếp theo, Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các trường
xây dựng KHPTGD như sau:

I. YÊU CẦU CHUNG

Việc xây dựng KHPTGD năm học 2022-2023 của đơn vị phải đảm bảo:

- Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, nghị quyết
HĐND các cấp về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung
hạn của huyện giai đoạn 2021-2025;

- Thực hiện tốt việc triển khai chương trình GDPT 2018 theo đúng lộ trình;
Đảm bảo phát triển bền vững đơn vị cho một năm và những năm tiếp theo;

- Tập trung các nguồn lực và đề xuất giải pháp đột phá để thực hiện hoàn
thành các nhiệm vụ trọng tâm như: Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các
cấp học; công tác phổ cập giáo dục; công tác dạy và học tiếng Anh, Tin học trong
các trường phổ thông;

- Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; cơ sở vật chất thực
hiện chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025;

- Đảm bảo lộ trình xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia của ngành, địa
phương và tiến độ thực hiện nông thôn mới đã được phê duyệt.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC

1. Luật giáo dục số 43/2019/QH14;

2. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung
ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng
yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định
hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

3. Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản
biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, viên chức; Chỉ thị số 02/CT-TTg
ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện chủ trương

tinh giản biên chế;

4. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

5. Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ Quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục Mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

6. Thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

7. Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học; Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non;

8. Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục phổ thông và các văn bản liên quan;

9. Thông tư số 13/2020/TT-GDĐT ngày 27/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 14/2020/TTGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông;

10. Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non; Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học; Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

11. Thông tư số 49/2021/TT-BGDĐT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập loại hình dân lập và tư thục

12. Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về Thông tư ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT);

13. Chương trình số 15-CTr/TU ngày 27/02/2018 của Tỉnh ủy Quảng Nam về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành

Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Kế hoạch số 2276/KH-UBND ngày 07/5/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam triển khai Chương trình số 15-CTr/TU ngày 27/02/2018 của Tỉnh ủy Quảng Nam về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

14. Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 25/4/2017 Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ bảy, khóa XXI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Nam đến năm 2020 định hướng đến năm 2025”; Kế hoạch số 1666/KH-UBND ngày 04/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TU ngày 25/4/2017 về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Nam đến năm 2020 định hướng đến năm 2025”;

15. Kế hoạch số 413/KH-UBND ngày 16/3/2022 của UBND huyện Thăng Bình về Phát triển Giáo dục mầm non trên địa bàn huyện Thăng Bình giai đoạn 2022-2025;

16. Các chỉ thị, nghị quyết, chương trình, đề án, kế hoạch của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, HĐND huyện, UBND huyện.

III. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG KHPTGD

1. Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 đã được phê duyệt; Kế hoạch phải bao quát, khả thi, gắn với nguồn lực thực hiện, là công cụ quan trọng để quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo.

2. Được triển khai xây dựng đồng bộ, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan; bảo đảm tính chính xác, công khai, minh bạch, công bằng, hiệu quả và tăng cường trách nhiệm giải trình trong phân bổ các nguồn lực.

3. Được xây dựng trên cơ sở dữ liệu của ngành, của địa phương (*số liệu dân số; số liệu PCGD, XMC; v.v.*); nâng cao tính dự báo, những cơ hội, thách thức đối với sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo của địa phương.

4. Số lượng tuyển sinh phải phù hợp với năng lực cơ sở vật chất, điều kiện địa lý, khả năng thu nhận học sinh của từng trường và nguyện vọng chính đáng của cha mẹ/người đỡ đầu học sinh; Đảm bảo đáp ứng yêu cầu sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp học theo hướng tăng số học sinh/lớp, giảm số lớp/trường, giảm số điểm trường, thực hiện phân tuyến tuyển sinh hợp lý, giảm tối đa số học sinh đi học trái tuyến (*Thông báo số 185/TB-UBND ngày 21/5/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam về Kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Văn Tân tại buổi làm việc với Sở Giáo dục và Đào tạo*);

5. Bám sát phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm của các cấp học, của ngành từ năm học 2020-2021 đến nay; đồng thời có tính kế thừa đối với chiến lược phát triển nhà trường và các kế hoạch phát triển giáo dục đã được phê duyệt.

6. Thực hiện đổi mới công tác xây dựng kế hoạch; tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập; nâng cao hiệu quả giáo dục;

tăng cường xã hội hóa giáo dục.

7. Kế hoạch của đơn vị phải xây dựng số liệu đội ngũ trên cơ sở về khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc, đảm bảo tính chính xác, không dôi dư, lãng phí nhân lực, phù hợp với chiến lược của nhà trường, kế hoạch phát triển trường lớp của đơn vị, tình hình thực tế của địa phương;

IV. NỘI DUNG TRỌNG TÂM KHPTGD

1. Đánh giá kết quả tuyển sinh đầu năm học 2021 - 2022, ước việc thực hiện năm học 2021-2022 của đơn vị

Đánh giá kết quả thực hiện theo các nội dung cơ bản sau:

a. Mạng lưới trường, lớp, học sinh; Thực hiện dồn, dịch các điểm trường lẻ (*nếu có*); Số lượng, tỷ lệ học sinh đi học so với dân số trong độ tuổi đến trường (*so sánh với các năm học trước: tăng, giảm; thuận lợi, khó khăn trong việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh, thực hiện*);

b. Tình hình huy động học sinh ra lớp; Việc tuyển sinh ngoài địa bàn và vùng ven (*Nêu rõ số liệu đã thực hiện*).

c. Chất lượng giáo dục ở các cấp học tại địa phương

- Chất lượng giáo dục toàn diện và mũi nhọn;
- Số học sinh bỏ học trong hè năm 2021 và trong năm học 2021-2022, số trẻ em ngoài nhà trường, học sinh có hoàn cảnh khó khăn;
- Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;
- Thực hiện dạy và học Ngoại ngữ, Tin học;
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý;
- Đổi mới chương trình giáo dục mầm non và phổ thông; đổi mới thi cử, kiểm tra, đánh giá; giáo dục đạo đức, lối sống; giáo dục kỹ năng sống,...;

d. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục (*số lượng, trình độ; số lượng đảng viên, số được kết nạp mới trong năm, số có bằng trung cấp chính trị; thuận lợi, khó khăn; thừa, thiếu, cơ cấu trình độ giáo viên theo cấp học, trình độ đào tạo và giải pháp khắc phục...*);

đ. Thực hiện các chính sách của Nhà nước và các chính sách của địa phương đối học sinh trong các cơ sở giáo dục (*miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, chế độ học sinh bán trú, học sinh khuyết tật, chế độ, chính sách cho giáo viên mầm non, trẻ 5 tuổi, ...; sự ủng hộ của chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân đóng góp cho đơn vị*), chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (*phụ cấp đặc thù, lương giáo viên,...*) và chính sách đối với nhà trường (*kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn,...*);

e. Thực hiện thu, chi ngân sách chi thường xuyên (*số liệu được ước thu, chi tính đến hết 31/12/2021*);

g. Thực trạng cơ sở vật chất (CSVC) trường học, lớp học, trang thiết bị thừa/thiếu so với nhu cầu cần thiết. Cảnh quan môi trường của đơn vị (*cây xanh, vệ sinh môi trường, nước sạch,...*). Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công theo Luật

đầu tư công; tiến độ thực hiện các công trình, dự án thuộc nguồn vốn đầu tư của các cấp và địa phương; khó khăn, thuận lợi trong việc thực hiện kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị dạy học;

h. Tiến độ thực hiện, thuận lợi, khó khăn trong việc triển khai thực hiện Đề án Kiên cố hóa trường lớp học, Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới và các chương trình, dự án khác (nếu có);

i. Thực hiện nhiệm vụ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; các đề án, dự án, chương trình của ngành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có), (thuận lợi, khó khăn, tổng kinh phí thực hiện, chi tiết từng nguồn vốn theo từng nhiệm vụ, chương trình, dự án);

k. Thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục (thuận lợi, khó khăn, kết quả đạt được và đề xuất sửa đổi hoặc bổ sung chính sách hiện hành, nếu có);

l. Đánh giá chung

m. Nêu các khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị.

Trên cơ sở kết quả phân tích, cần đánh giá cụ thể kết quả đạt được từng mục tiêu, so sánh với kế hoạch và so với năm trước; phân tích và làm rõ nguyên nhân chưa đạt kế hoạch đề ra; những khó khăn, vướng mắc; nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện kế hoạch.

2. Xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục của nhà trường năm học 2022-2023 và định hướng đến năm 2027

- Nêu các mục tiêu chủ yếu và nhiệm vụ trọng tâm của kế hoạch (các đơn vị cần xác định đây là mục tiêu chính để thực hiện nhiệm vụ trong năm học tiếp theo). Các chỉ tiêu kế hoạch phải được xây dựng theo nguyên tắc bảo đảm tính cụ thể, rõ ràng, bảo đảm tính khả thi;

- Tiếp tục quán triệt và thực hiện Luật giáo dục, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Điều lệ trường học, các Nghị quyết, Chương trình hành động của các cấp lãnh đạo về giáo dục và đào tạo, coi giáo dục là động lực, là tiền đề để phát triển kinh tế-xã hội, huy động những nguồn lực xã hội tham gia phát triển giáo dục;

- Về hệ thống trường lớp, số lượng học sinh/lớp, đội ngũ,... cần tiếp tục sắp xếp một cách hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, của ngành; quy mô phát triển phải cân đối, hợp lý, phù hợp với Điều lệ trường học và các văn bản có liên quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cấp quản lý giáo dục ban hành;

- Điều chỉnh, sắp xếp để sử dụng hiệu quả CSVC, thiết bị dạy học hiện có; xây dựng kế hoạch đầu tư CSVC, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học; Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng, xác định nhu cầu giáo viên của từng môn học, lớp học, cấp học; chủ động xây dựng kế hoạch sắp xếp, bố trí công tác chuyên môn cho đội ngũ để chuẩn bị cho việc thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt;

2.1. Cấp mầm non

- Các đơn vị cần căn cứ tỉ lệ sinh hằng năm và số liệu điều tra phổ cập giáo dục của địa phương để ước số trẻ trong độ tuổi đến trường cho từng năm. Mục tiêu:

huy động 100% trẻ đến trường đối với trẻ mẫu giáo 5 tuổi;

- Các trường mầm non công lập huy động tối đa trẻ trong độ tuổi mẫu giáo ra lớp, nếu vẫn còn phòng học, đủ điều kiện về đội ngũ thì có thể tăng tỷ lệ huy động trẻ 3-4 tuổi ra lớp theo Kế hoạch số 413/KH-UBND ngày 16/3/2022 của UBND huyện Thăng Bình; bố trí số trẻ trên lớp đảm bảo theo đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tế;

- Việc mở lớp nhà trẻ và kế hoạch tuyển sinh năm học 2022-2023, các trường cần căn cứ vào điều kiện thực tế của đơn vị: CSVC, giáo viên,... để xây dựng kế hoạch phù hợp;

- Thực hiện bán trú và dạy học 02 buổi/ngày, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, thấp còi;

- Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; Đồng thời triển khai thực hiện Kế hoạch số 413/KH-UBND ngày 16/3/2022 của UBND huyện Thăng Bình đảm bảo theo lộ trình;

- Tiếp tục bổ sung điều kiện cơ sở vật chất, giáo viên nhằm thực hiện tốt công tác KĐCLGD và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia;

- Mở rộng, khuyến khích phát triển trường, lớp mẫu giáo ngoài công lập ở những vùng thuận lợi.

2.2. Cấp tiểu học

- Căn cứ số lượng học sinh của cấp học mầm non trong 5 năm và thực tế dân số trong độ tuổi đi học của địa phương để xây dựng kế hoạch. Mục tiêu: Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp Một, vận động tối đa học sinh trong độ tuổi nhưng chưa đến trường hoặc bỏ học ra lớp; bố trí số học sinh trên lớp đảm bảo theo đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tế; thực hiện phân tuyến tuyển sinh hợp lý, giảm tối đa số học sinh đi học trái tuyến;

- Sĩ số bình quân học sinh/lớp phải đảm bảo theo quy định;

- Đối với các trường có đủ điều kiện CSVC, tỷ lệ 01 phòng học/lớp: triển khai dạy 02 buổi/ngày (*chương trình giáo dục phổ thông mới ban hành theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018*), tổ chức dạy ngoại ngữ, tin học cho học sinh;

- Các trường có tổ chức bán trú thông báo cho phụ huynh đăng ký để làm căn cứ xây dựng kế hoạch;

2.3. Cấp trung học cơ sở

- Phối hợp với các trường tiểu học trên địa bàn tiến hành điều tra nắm chắc số lượng học sinh đang học lớp 5. Mục tiêu: Huy động 100% số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6, tích cực vận động số học sinh bỏ học và chưa đi học những năm trước trở lại trường nhằm duy trì bền vững kết quả phổ cập giáo dục; bố trí số học sinh trên lớp đảm bảo theo đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tế; giảm tối đa số học sinh đi học trái tuyến;

- Sĩ số bình quân học sinh/lớp phải đảm bảo theo quy định;

- Đối với các trường có điều kiện về CSVC, biên chế giáo viên, đảm bảo tỷ lệ 01 phòng/lớp tăng cường tổ chức dạy 02 buổi/ngày;

- Tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng dạy học, giảm tỉ lệ học sinh yếu kém, chú trọng việc hướng dẫn phương pháp tự học của học sinh. Quan tâm đặc biệt với đối tượng học sinh đang có nguy cơ bỏ học. Tổ chức có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động dạy học;

- Củng cố vững chắc kết quả phổ cập THCS; giảm tỷ lệ lưu ban, bỏ học; chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức dạy chương trình mới cho học sinh lớp 6. Tiếp tục triển khai dạy học Ngoại ngữ, Tin học.

V. MỘT SỐ YÊU CẦU XÂY DỰNG KHPTGD

1. Một số công tác trọng tâm

- Thực hiện các biện pháp, giải pháp đặc thù, phù hợp với thực tế của địa phương để bảo đảm chỉ tiêu về số lượng và nâng cao chất lượng giáo dục;

- Bảo đảm huy động đủ, duy trì, phát triển và sử dụng có hiệu quả các điều kiện cần thiết cho thực hiện kế hoạch: đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; các nguồn lực tài chính,...;

- Xây dựng kế hoạch biên chế trên cơ sở về khung đề án vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc theo Thông tư liên tịch 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập, Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông, Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam Phê duyệt Đề án sắp xếp lại trường, điểm trường, lớp học gắn với việc bố trí đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục tỉnh Quảng Nam đến năm học 2024 - 2025;

- Tham mưu kế hoạch đầu tư xây dựng bảo đảm đủ 1 phòng học/1 lớp theo lộ trình từng năm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; xóa toàn bộ phòng học tạm, phòng học xuống cấp và phòng học nhờ; có đủ các phòng bộ môn, phòng chức năng, công trình vệ sinh và các hạng mục khác theo quy định của điều lệ từng cấp học đảm bảo đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục, trường học đạt chuẩn quốc gia gắn liền với Đề án xây dựng nông thôn mới của địa phương;

- Đề xuất kinh phí đảm bảo đủ thiết bị dạy học tối thiểu của các khối lớp theo đúng lộ trình của Chương trình giáo dục phổ thông; thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài trời trong các trường mầm non;

- Bảo đảm các chính sách phát triển giáo dục, đào tạo của Nhà nước; chính sách địa phương (nếu có);

- Biện pháp quản lý (*tổ chức, chỉ đạo, điều hành và kiểm tra, giám sát việc thực hiện*), bảo đảm xã hội hoá trong phát triển giáo dục;

- Tổng hợp dân số các độ tuổi phải khớp đúng với số liệu điều tra phổ cập

giáo dục các xã, thị trấn qua các năm;

- Lập kế hoạch phải đảm bảo tính chính xác, khoa học, khả thi (*thể hiện đầy đủ và cụ thể kế hoạch về lớp, học sinh; kế hoạch về nhân sự, kế hoạch về dạy học, kế hoạch về CSVC, kế hoạch về tài chính,...*) và phân thuyết minh các biện pháp thực hiện KHPTGD của đơn vị. Những ý kiến đề nghị phải cụ thể, phù hợp với khả năng đáp ứng của địa phương và ngành;

- Đối với các trường mẫu giáo, tiểu học phải có phụ lục về số lớp, số điểm trường và số lượng học sinh ở mỗi điểm trường, học sinh học 2 buổi/ngày; việc tổ chức bán trú phải đảm bảo hồ sơ, thủ tục theo quy định; đối với học sinh khuyết tật phải có hồ sơ minh chứng đúng theo quy định tại Luật người khuyết tật,...

- Tất cả các biểu mẫu có xác nhận của Hiệu trưởng và lãnh đạo xã, thị trấn; đính kèm đầy đủ các mẫu theo quy định và nộp về Phòng GDĐT theo thời gian quy định.

2. Phân tuyến tuyển sinh

- Các trường trong địa bàn của một xã, thị trấn cần phối hợp rà soát số liệu dân số, học sinh trong độ tuổi đến trường của đơn vị khớp đúng, chính xác.

- Hiệu trưởng các trường tiểu học thuộc các xã, thị trấn: Hà Lam, Bình Quý, Bình Triều, Bình Trung, Bình An có trách nhiệm phối hợp tham mưu cho UBND địa phương xem xét và ban hành quyết định phân tuyến tuyển sinh học sinh tiểu học trên địa bàn đảm bảo thuận lợi cho việc đi lại của học sinh, phù hợp với năng lực CSVC, đội ngũ nhà trường và khả năng thu nhận của từng trường trước thời hạn nộp KHPTGD (*chi tiết phân tuyến đến từng khu vực dân cư theo thôn, tổ dân phố*);

3. Công tác tuyển sinh vùng ven địa bàn và các đối tượng tạm trú

- Nếu tuyển sinh ngoài địa bàn (*đối tượng là học sinh tại vùng ven địa bàn tuyển sinh của trường*) thì các trường có liên quan phải có hồ sơ làm việc, phối hợp với các trường có liên quan để thống nhất số lượng học sinh dự tuyển nhằm đảm bảo đạt chỉ tiêu huy động 100% số học sinh trong độ tuổi tuyển sinh đi học đối với từng cấp học, tránh trường hợp trùng lặp hoặc bỏ sót học sinh cần tuyển (*danh sách tổng hợp học sinh ngoài địa bàn kèm theo nếu có*);

- Hiệu trưởng các trường của hai xã/thị trấn liền kề có học sinh tuyển sinh lớp đầu cấp ở trong vùng phụ cận chủ động phối hợp làm việc để thống nhất chỉ tiêu cụ thể, phương án phân tuyến học sinh vào học tại trường công lập nào cho phù hợp (*chỗ ở, khoảng cách địa lý, sự thuận lợi trong việc đi lại của học sinh,...*); Nếu xét thấy cần thiết, hai trường cần lập kế hoạch phối hợp và triển khai tổ chức gặp mặt cha mẹ/người đỡ đầu của học sinh chuẩn bị tuyển sinh lớp đầu cấp đang sinh sống tại các vùng phụ cận giữa các địa phương để nghe, trao đổi và xem xét nguyện vọng về nơi học tập của học sinh nhằm tạo được sự đồng thuận từ cha mẹ/người đỡ đầu của học sinh.

- Điều tra, nắm chắc thông tin các đối tượng trong độ tuổi trẻ em/học sinh tạm trú dài hạn trên địa bàn tuyển sinh của trường để đưa vào kế hoạch tuyển sinh, tránh tình trạng tăng lớp hoặc tuyển thiếu học sinh so với kế hoạch được phê duyệt

(danh sách tổng hợp cụ thể kèm theo nếu có);

VI. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM DUYỆT KẾ HOẠCH

- Thời gian nộp KHPTGD: **Trước ngày 10/5/2022.**

- Hình thức nộp KHPTGD:

+ Văn bản giấy đóng tập nộp 07 bộ về Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện (ông Vũ Hồng Nguyên nhận, SĐT: 0905.439.227);

+ Trường gửi toàn bộ Kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2022-2023 và các phụ lục liên quan về Phòng Giáo dục và Đào tạo (dưới dạng file scan .pdf, đầy đủ chữ ký, xác nhận của địa phương, đóng dấu đỏ) thông qua phần mềm Qoffice chậm nhất ngày 10/5/2022.

+ File nén dạng .zip/.rar chứa bản word báo cáo KHPTGD và các mẫu excel gửi vào email nguyenpgdtb@gmail.com (tiêu đề email cần ghi rõ: KHPTGD năm học 2022-2023 của Trường ...);

+ Cập nhật trực tuyến dữ liệu KHPTGD và tải các biểu mẫu liên quan tại địa chỉ: <http://kehoach.thangbinh.edu.vn>. (mục KHPTGD năm học 2022-2023);

- Thời gian và địa điểm duyệt KHPTGD: dự kiến từ ngày 11/5 đến 16/5/2022 (sẽ có thông báo lịch cụ thể sau).

- Hiệu trưởng báo cáo không quá 05 phút, thảo luận không quá 10 phút, theo thứ tự ghi trong lịch; Báo cáo trình bày ngắn gọn các nội dung của đơn vị về kết quả đạt được, so sánh mức độ đạt được với chỉ tiêu kế hoạch với các quy định; Dự kiến kế hoạch tuyển sinh, số học sinh, số lớp, nhu cầu đội ngũ, trang thiết bị dạy học, cơ sở vật chất,...; các vấn đề mang tính đặc thù của địa phương, những khó khăn, tồn tại đang gặp phải và các kiến nghị với cấp trên.

Trên đây là một số định hướng và yêu cầu về xây dựng Kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị Hiệu trưởng các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện nghiêm túc./.

Nơi nhận:

- Như trên (để thực hiện);
- Đ/c Phan Thị Nhi - PCT UBND huyện (báo cáo);
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo Phòng GDĐT;
- Các tổ, bộ phận công tác Phòng GDĐT;
- Lưu: VT, TCCB.

TRƯỞNG PHÒNG

#ChuKyLanhDao